VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 12 năm 2022
Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 913 + 914)

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP:

1. Thuốc trừ sâu:

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
341	Clofentezine 100g/l + Fenpyroximate 50g/l	Startus 150SC	Nhện đỏ/đào cảnh	Công ty TNHH Trường Thịnh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
342	Clofentezine 5% (50g/kg) + Pyridaben 10% (100g/kg)	Coman 150WP	Bọ phấn/sắn	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Sunvuanhen 15WP	Nhện đỏ/sắn	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
343	Clofentezine 14% + Spirodiclofen 10%	Ω-Spilo 24SC	Nhện đỏ/chè, cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
344	Chromafenozide (min 91%)	Hakigold 50SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Phares 50SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sojitz Corporation
		Red ruby 50SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
345	Chromafenozide 100g/kg + Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Mycheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
346	Clinoptilolite	Map Logic 90WP, 90WG, 90GR	**90WP:** tuyến trùng/lúa, cam, hành tím, hồ tiêu, thanh long, cà phê, dưa hấu, cà chua, su su, chanh leo **90WG:** tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê **90GR:** tuyến trùng/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
347	Clothianidin (min 95%)	Dantotsu 16SG, 50WG	**16SG:** rầy nâu/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, dòi đục lá/cà chua, rầy xanh/chè, sâu vẽ bùa/cam **50WG:** Bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/xoài; rầy chổng cánh/cam; rầy nâu/lúa; rệp muội/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Keyrole Xtra 50WG	Bọ phấn trắng/sắn	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
		Thunderan 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tiptof 16SG	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
348	Clothianidin 160g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Clodin 360WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Kiên Giang
349	Clothianidin 10% + Nitenpyram 30% + Pymetrozine 30%	Orgyram 70WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
350	Clothianidin 5% + Pymetrozine 25%	Despak 30SC	Bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Nam Bắc
351	Cnidiadin	ACE Cnidn 1EW	Sâu tơ/bắp cải, phấn trắng/hoa hồng, sương mai/nho	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
		Hetsau 0.4EC	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; nhện lông nhung/vải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
352	Cyantraniliprole (min 93%)	Benevia® 100OD, 200SC	**100OD:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ, sâu xanh sọc trắng, dòi đục lá/dưa hấu; bọ phấn, sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/ớt, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá, sâu xanh sọc trắng/dưa chuột **200SC:** dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; sâu xanh sọc trắng, bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/ớt	Công ty TNHH FMC Việt Nam
353	Cyantraniliprole 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Minecto® Star 60WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/ớt, dưa hấu, bưởi; bọ phấn/dưa chuột; rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
354	Cyclaniliprole (min 95%)	Teppan 50SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
355	Cyetpyrafen (Yizuomanjing) (min 98%)	Antimite 30SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Erafen 300SC	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Global Farm

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
356	Cyflumetofen (min 97.5%)	Danisaraba 20SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
357	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	Sâu cuốn lá/lúa, chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	Sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/dưa chuột, sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH Phú Nông
358	Cyhalodiamide 100g/l + Chlorfenapyr 165g/l	Lorcy 265SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/điều, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
359	Cyhalodiamide 90g/l + Chlorfenapyr 150g/l	Futsals 240SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
360	Cyhalodiamide 50g/l + Flufiprole 150g/l	Kunda 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
361	Cyhalodiamide 150g/l + Lufenuron 50g/l	Votes 200SC	Sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/thanh long	Công ty TNHH Phú Nông
362	Cyhalodiamide 180g/l + Lufenuron 60g/l	Lucy 240SC	Sâu đục thân/lúa, sâu vẽ bùa/cam, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
363	Cyhalodiamide 100g/l + Metaflumizone 100g/l	Umeku 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
364	Cypermethrin (min 90%)	Andoril 250EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
		Appencyper 35EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Arrivo 25EC	Rầy xanh/lúa, sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Biperin 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Classtox 250WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Cymerin 25EC	Bọ xít, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Cymkill 25EC	Sâu khoang/bông vải	Forward International Ltd
		Cyper 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
		Cyperan 10EC	Sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi, sâu róm/điều	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyperkill 25EC	Rầy xanh, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân/khoai tây	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Cypermap 25EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Cypetox 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Cyrux 25EC	Sâu xanh/bông vải, rệp sáp/cà phê; bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibamerin 25EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosher 25EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Indicy 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Loxa 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nitrin 10EC	Sâu xanh/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
		NP-Cyrin super 250EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Pankill 25EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Power 5EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Pycythrin 5EC	Sâu phao/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		SecSaigon 25EC	Sâu hồng/bông vải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sherbush 25EC	Sâu keo/lúa, bọ xít/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Sherpa 25EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc, đậu tương	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Shertox 5EC, 10EW	**5EC:** sâu keo, bọ xít/lúa; rệp vảy/cà phê **10EW:** rệp sáp/cà phê, sâu phao/lúa, sâu ăn lá/đậu tương, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Somethrin 10EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH P-H
		Southsher 10EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Superrin 100EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Tiper 25EC	Sâu đục thân/lúa, bọ xít/điều, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Tornado 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Tungrin 25EC	Sâu phao, sâu keo/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/thuốc lá; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Visher 25EC, 25EW	**25EW:** sâu xanh/thuốc lá; sâu phao/lúa **25EC:** Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Waja 10EC	Bọ trĩ/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Wamtox 100EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Việt Thắng
365	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 400g/l	Nugor super 450EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; sâu xanh/đậu tương; bọ xít muỗi, sâu đục cành/điều; rệp sáp giả, mọt đục cành/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
366	Cypermethrin 2% + Dimethoate 8%	Cypdime (558) 10EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
367	Cypermethrin 3% + Dimethoate 27%	Nitox 30EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; rệp/cà phê; sâu ăn lá/đậu tương, điều	Công ty CP Nicotex
368	Cypermethrin 30g/l + Dimethoate 370g/l	Diditox 40EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
369	Cypermethrin 3% + Dimethoate 42%	Fastny 45EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
370	Cypermethrin 50g/l + Dimethoate 300g/l	Dizorin 35EC	Bọ xít, sâu keo, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; rệp, bọ trĩ/đậu tương	Công ty TNHH - TM Tân Thành
371	Cypermethrin 20g/l + Dimethoate 200g/l + Fenvalerate 30g/l	Antricis 250EC	Sâu đục quả/cà phê	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
372	Cypermethrin 2.6% + Fenitrothion 10.5% + Fenvalerate 1.9%	TP-Pentin 15EC	Rệp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
373	Cypermethrin 260g/l + Indoxacarb 140g/l	Millerusa 400SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
374	Cypermethrin 2% + Isoprocarb 6%	Metox 809 8EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
375	Cypermethrin 30g/l + Phosalone 175g/l	Sherzol 205EC	Sâu cuốn lá, sâu keo, sâu gai, bọ xít/lúa; rệp, sâu ăn lá, bọ xít/hoa cúc; sâu đục quả, sâu xanh/lạc; rầy, sâu xanh/bông vải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
376	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
377	Cypermethrin 2% + Phoxim 22%	Posy 24EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty TNHH TCT Hà Nội
378	Cypermethrin 40g/l + Profenofos 400g/l	Acotrin 440EC	Nhện đỏ, bọ trĩ, rệp muội/bông vải; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Pro Ggo 440EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
379	Cypermethrin 30g/l + Quinalphos 200g/l	Kinagold 23EC	Sâu xanh/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu xanh; sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
380	Cypermethrin 5% + Quinalphos 20%	Tungrell 25EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê; sâu xanh/thuốc lá; sâu đục thân/ngô	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
381	Cyromazine (min 95%)	Ajuni 50WP	Dòi đục lá/đậu tương, sâu vẽ bùa/hoa cúc, dòi đục lá/tỏi; dòi đục lá/khoai tây	Công ty CP Nicotex
		Chip 100SL	Sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Matscot 50SP	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Mdanzine 800WP	Dòi đục lá/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Newsgard 75WP	Sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Nôngiahưng 75WP	Sâu vẽ bùa/cam, dòi đục lá/cà chua	Công ty TNHH - TM Thái Phong

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Roninda 100SL	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Trigard® 100SL	Dòi đục lá/dưa chuột, khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tumazine 500WP	Dòi đục lá/dưa chuột	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Zingard 80WG	Dòi đục lá/cà chua	Công ty CP Bigfive Việt Nam
382	Cyromazine 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
383	Cyromazine 50% + Thiamethoxam 10%	Ω-Tiro 60WG	Sâu xanh da láng/đậu tương, rệp sáp/cà phê, bọ phấn/sắn	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
384	D-limonene (Orange oil) (min 94.5%)	Prev-AM™ 5.4ME	Rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, nhện đỏ/cà chua	Oro Agri International Ltd.
385	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	Sâu tơ/bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
386	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC-Mite 70SL	Rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/hoa hồng, bưởi; rệp/khoai tây; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
387	Deltamethrin (min 98%)	Appendelta 2.8EC	Sâu phao/lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, rệp/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê; rệp muội/ngô **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dersi-s 2.5EC	Bọ trĩ, bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5EC	Sâu keo, sâu phao, nhện gié/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu xanh; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/đậu xanh, bọ xít/lúa **2.5SC:** sâu xanh da láng/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5EC	Sâu phao, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
388	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
389	Deltamethrin 50g/l + Piperonyl Butoxide (min 90%) 250g/l	Chín sâu 300EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
390	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	Rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
391	Diafenthiuron (min 97%)	Apensus 500SC	Nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		BrahMos 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH B.Helmer
		Diasuper 300SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Define 500SC	Sâu tơ/bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP, 500SC	**50WP:** nhện đỏ/cam, chè **500SC:** nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nicotex
		Fenuron gold 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP S New Rice
		Fier 500WP, 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Morris 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Pegasus® 500SC	Sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/cây cảnh; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Pesieu 500WP, 500SC	**500WP**: sâu tơ/bắp cải **500SC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, bọ nhảy/rau cải; bọ nhảy/cải thảo; bọ trĩ/	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			cà tím, cà pháo, bí xanh; nhện đỏ, rầy xanh/cà pháo; rầy xanh, nhện đỏ/cà tím; sâu baba, sâu khoang/rau muống; sâu đục quả/đậu đũa, cà tím, đậu côve, ớt; sâu khoang/rau dền; sâu tơ/súp lơ, su hào; sâu xanh da láng/hành; sâu tơ/cải thảo; sâu đục quả/cà pháo; sâu khoang/mồng tơi; bọ nhảy/su hào	
		Redmine 500SC	Nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Sam spider 500WP	Nhện đỏ/nho	Công ty CP SAM
		Tuxedo 500SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
392	Diafenthiuron 42.3% (432g/l) + Emamectin benzoate 1.4% (14g/l)	Dimafen 43.7SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Manly 437SC	Nhện đỏ/chè	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Spiderworm 43.7SC	Sâu xanh da láng/khoai lang	Công ty TNHH TAT Hà Nội
393	Diafenthiuron 250g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Difeben 280SC	Sâu keo mùa thu/ngô, nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Lucky
394	Diafenthiuron 35% + Indoxacarb 7%	Difeggo 42SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
395	Diafenthiuron 500g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Vangiakhen 550SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
396	Diafenthiuron 300g/l + Metaflumizone 200g/l	Trust TD 01 500SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
397	Diafenthiuron 200g/kg + Propargite 350g/kg	Supermite 550WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
398	Diflubenzuron (min 97%)	Akizuron 250WP	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
399	Diflubenzuron 430g/kg + Nitenpyram 350g/kg	Goodcheck 780WP	Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
400	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Sieucheck 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
401	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
402	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-gep 625WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
403	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40EC	Bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; bọ trĩ/bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40EC	Bọ xít hôi/lúa, sâu đục quả/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40EC	Bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; rệp/đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	Rệp/mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC	Bọ xít/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		By 90 40EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	Rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dibathoate 40EC	Rầy/lúa, nhện/cà phê, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	Bọ xít/lúa	Agrimatco Vietnam Co., Ltd.
		Dimenat 20EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	Sâu ăn lá/hoa hồng	Zagro Group, Zagro Singapore Pvt Ltd.
		Forgon 40EC	Sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	**10GR:** Rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/lạc; sâu đục thân/điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44EC	Rầy/ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC	Rệp sáp/cà phê, bọ xít/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Watox 400EC	Bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
404	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
405	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB-Tigi 5GR	Rầy nâu/lúa, dế dũi/ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5GR	Bọ trĩ/lúa, sâu đục thân/mía, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vibam 5GR	Sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
406	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
407	Dimethoate 400g/l + Fenobucarb 100g/l	Bisector 500EC	Rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
408	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	Bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
409	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	Rệp/đậu tương, bọ xít/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	Bọ xít dài, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP TST Cần Thơ
410	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
411	Dimethoate 286g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp muội/mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
412	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	Rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
413	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Chat 20WP	Rầy nâu/lúa, bọ nhảy/bắp cải, rầy bông/xoài, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, dòi đục lá/dưa chuột	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Cheer 20WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Cyo super 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp muội/dưa chuột, rầy xanh/chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Dovasin 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR:** rầy xanh/đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/lúa, rầy/xoài, dòi đục lá/dưa chuột, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu, rệp sáp/cà phê **20SG:** Bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp **100SL:** rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/hoa hồng; rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
		Overcin 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Phesoldest 50SG	Rầy lưng trắng/ngô	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Raves 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Regunta 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Santaone 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	Rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít dài, nhện gié/lúa; rầy chổng cánh/cam; rệp vảy/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
414	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	Dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
415	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	Rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ nhảy sọc cong/rau cải xanh, bọ phấn trắng/sắn	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
416	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Vagritex

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
417	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
418	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
419	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
420	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
421	Dinotefuran 180g/kg + Imidacloprid 120g/kg	Toshinusa 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
422	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
423	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
424	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	Rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
425	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
426	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	Rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
427	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
428	Dinotefuran 90g/kg + Pymetrozine 610g/kg	Chetsduc 700WG	Rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
429	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
430	Dinotefuran 20% (200g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Chessin 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Medino 60WG	Rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương, bọ phấn/sắn	Công ty CP Global Farm
431	Dinotefuran 10% + Pymetrozine 40%	Oppo 50WG	Rệp muội/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Opal 50WG	Rệp muội/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
432	Dinotefuran 100g/l (10%) + Spirotetramat 100g/l (10%)	Lisara 200SC	Rệp sáp/hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Shipment 20SC	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
433	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
434	Dinotefuran 200g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
435	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	AC-max 100EC, 300WG	**100EC:** Sâu xanh da láng/cải bắp **300WG:** Sâu xanh da láng/cải bắp, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Acplant 1.9EC, 4TB, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam **4TB:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương **20WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actimax 50WG	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu đục quả/nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Agtemex 38EC, 4.5WG, 5WP	Sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; rệp sáp/cà phê, điều, vải; sâu xanh/bắp cải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/bắp cải; sâu đục quả/đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/điều, sâu keo mùa thu/ngô **5ME:** sâu vẽ bùa/cây có múi, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Ansuco 120EC, 260WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Apache 4EC, 10WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Bafurit 5WG	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/nho, bông vải; bọ xít/vải; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Nông Sinh
		Bemab 3.8EC, 52WG	**3.8EC:** Bọ trĩ/dưa chuột, sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **52WG:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/dưa chuột; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Binged 50WG	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Billaden 50EC, 50WG	Nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân
		Boema 50EC, 50WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
		Browco 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
		Calisuper 5.5WP, 41ME, 52WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 20WG	Sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Sơn Thành
		Comda gold 5WG	Dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Compatt 55.5WG	Rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC:** Sâu cuốn lá/lúa **51WG:** Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa, rầy bông/xoài, sâu đục ngon/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 3.8EC	Sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 150WG	**22EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dollar 50WG, 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 40EC	Nhện gié/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu ăn bông/xoài, nhện đỏ/chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/nhãn, vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa **10WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Eagle 20EC, 50WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ebama 5.5WG, 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Ebenzoate 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 40EC, 100WG	**40EC:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Emaaici 120WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Emacao-TP 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông HBR
		Emagold 6.5EC, 6.5WG	**6.5EC:** Sâu khoang/lạc **6.5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Emaplant 3.8EC, 5WG	**3.8EC:** nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 60EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Emathai 4EC, 10WG	**4EC:** Nhện đỏ/cam, bọ trĩ/xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu **10WG:** Bọ trĩ/dưa hấu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Emathion 55EC, 100WG	**55EC:** Bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Emasuper 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Ematigi 3.8EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** Sâu cuốn lá/lúa **100WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Emavua 36EC, 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Emaxtin 3.8EC, 55.5WG	**3.8EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam **55.5WG:** Nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 1.9EC, 108WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt; sâu xanh/cà chua **108WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Etimex 2.6EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi hại lá/cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; sâu khoang, sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, nhện đỏ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fastish 116WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải **35.5EC:** Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/lúa; nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Foton 5.0 ME	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 4EC, 96WG	**4EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **96WG:** Nhện đỏ/chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Go.good One 5WG	Sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		Goldemec 5.7EC, 5.55WG	**5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam, quýt **5.55WG:** Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp muội/hồ tiêu, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Golnitor 20EC, 50WG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Haeuro 125WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Hagucide 40EC, 70WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoatox 2ME	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 40EC, 50WG	**40EC:** Sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn
		Jiametin 1.9EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		July 5EC, 5WG	Sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, rệp/đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** Bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu, bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa **5EC:** Sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Khủng 100WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 3.8EC	Bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vicowin

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Lion kinh 50WG, 50EC	**50WG:** Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC:** Sâu khoang/lạc	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Map Winner 5WG	Sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ xít muỗi/chè; sâu khoang/cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp/ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô	MapPAcific Pte Ltd
		Matrix 1.9EC, 5WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mekomectin 3.8EC, 135WG	**3.8EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **135WG:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Mikmire 2.0EC, 14.5WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Moousa 50EC, 60WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nazomi 2.0EC, 5WG	**2.0EC:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp muội/đậu xanh **5WG:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp cờ/ngô	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, sâu xanh/cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Newmectin 2.0EC, 5WP, 41ME, 126WG	**2.0EC:** rầy nâu/lúa **5WP:** bọ cánh tơ/chè **41ME, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 10EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/lúa/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		Oman 2EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Proclaim® 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/xoài; sâu đục quả/bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn. **5WG:** sâu keo mùa thu/ngô, sâu xanh bướm trắng/ cải bắp, sâu đục cuống quả/vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Phesolbenzoate 3.8EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 5.8EC, 8WG	**5.8EC:** rầy bông/xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Promectin 5.0EC, 100WG	**5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/nho; rệp bông/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 72EC, 6.0WG, 99.9SC	**72EC:** Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **6.0WG:** Sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam **99.9SC:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Ratoin 5WG	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 50WP, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài **50WP:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/súp lơ; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **68WG:** Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Roofer 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Royal city 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sausto 1EC, 50WG	**1EC:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh/cà chua **50WG:** Sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** Sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
		Silsau super 3.5EC, 5WP	**5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải **3.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 40EC, 50SG	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (AsiaPAcific)
		Starrimec 5WG, 75EC, 80SC, 105SG	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **75EC:** sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Susupes 1.9EC	Bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tamala 1.9EC	Sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; rầy bông, rệp sáp/xoài; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Tanwin 2.0EC, 5.5WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/nhãn; sâu xanh/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/vải; sâu róm/thông; rầy, sâu xanh/hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; rầy/xoài **5WG:** sâu róm/thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ xít/vải, nhãn; sâu baba/rau muống; bọ nhảy/cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/bí xanh; rệp muội/đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/hành; bọ trĩ/cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tikemectin 4EC, 60WG	**4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài **60WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Totnhatsuper 100WG, 70EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Multiagro
		Tungmectin 5EC, 5WG	**5EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều **5WG:** Sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp; bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** Bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/bưởi **5SG:** Bọ cánh cứng/rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yasmine 19EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Zamectin 65EC, 100WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
436	Emamectin benzoate 10% (100g/kg) + Flufiprole 10% (100g/kg)	Lopita 200WP	Mọt đục quả/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tatachi 200WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
437	Emamectin benzoate 20g/l + Indoxacarb 80g/l	Xotare 10SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
438	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
439	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
440	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	Ssâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
441	Emamectin benzoate 3% + Indoxacarb 6%	Topzaza 9SE	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
442	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
443	Emamectin benzoate 30g/l + Indoxacarb 110g/l	Doctor super 140SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
444	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		IE-max 150EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
445	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
446	Emamectin benzoate 4% + Indoxacarb 12%	Auditor 16SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
447	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP	**180SC:** Sâu cuốn lá/lúa **205WP:** Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
448	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC:** Sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
449	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
450	Emamectin benzoate 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fittoc super 90EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
451	Emamectin benzoate 50g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
452	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	Sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
453	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài	MapPAcific Pte Ltd
454	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; rầy xanh/chè; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
455	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 80g/l	Lemura 100SC	Sâu xanh đục bắp/ngô	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
456	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	**100EC:** Châu chấu tre/ngô, sâu xanh/hoa cúc; sâu khoang/khoai tây, sâu keo mùa thu/ngô, bọ phấn trắng/sắn **150WG:** Sâu xanh/hoa cúc; sâu keo mùa thu/ngô, bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
457	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufemin 100EC	Sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
458	Emamectin benzoate 5% + Lufenuron 40%	Sun Eluron 45WG	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
459	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armcide 50WG	Sâu đục bắp/ngô, sâu keo mùa thu/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
460	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** Sâu cuốn lá/lúa **150WG:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
461	Emamectin benzoate 10g/l + Matrine 10g/l	Kimcis 20EC	Nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cam, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
462	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
463	Emamectin benzoate 19g/l, (49g/kg), (89g/l) + Matrine 1g/l (1g/kg), (1g/l)	Mectinstar 20EC, 50SG, 90SC	**20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu khoang/lạc; rệp/thuốc lá; rầy xanh/chè; rầy bông/xoài; nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **90SC:** rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
464	Emamectin benzoate 41g/l + Matrine 2g/l	9X-Actione 4.3EC	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
465	Emamectin benzoate 20g/kg (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/kg (1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 21WP, 30EC, 61WG	**21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi, rầy canh/chè **61WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
466	Emamectin benzoate 25g/l, (48g/kg), (98g/kg) + Matrine 2g/l, (2g/kg), (2g/kg)	Rholam Super 27EC, 50SG, 100WG	**27EC:** nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu tơ/cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/nho; sâu khoang/lạc; rầy bông/xoài; sâu đục gân lá/vải **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt
467	Emamectin benzoate 60g/l+ Matrine 4g/l	Bạch tượng 64EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH - TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
468	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/kg + Matrine 1g/l, (0.5g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5WG	**25EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
469	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	Sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
470	Emamectin benzoate 29.5g/l (49g/kg) + Martrine 0.5g/l (1g/kg)	Techtimex 30EC, 50WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
471	Emamectin benzoate 2% + Methoxyfenozide 18%	Tenano 20SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrofarm
472	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; rệp sáp/cà phê	MapPAcific Pte Ltd
473	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	Sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/bắp cải; nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Comda 250EC	Bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rệp muội/hoa cúc, ớt; rệp sáp/cà phê, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/hành, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
474	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Emamec 400EC	Sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
475	Emamectin benzoate 19g/l + Permethrin 80.99g/l	Tiachop 99.99EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
476	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
477	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
478	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
479	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + 200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	Sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
480	Emamectin benzoate 18g/kg + Spirodiclofen 75g/kg	Kingspider 93SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
481	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5EC	Sâu đục quả/đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumisana 5EC	Sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
482	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; rầy xanh/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
483	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100SC	Rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tobirole 200SC	Rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
484	Ethiprole 100g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	Rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
485	Etofenprox (min 96%)	Noray 30EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Slavic 10SC	Rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu khoang/bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/vải; bọ xít muỗi/điều	Mitsui Chemicals Agro, Inc. .
486	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI-M 50EC	Bọ xít/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
487	Etoxazole (min 95%)	Ac-Toxazol 200SC	Nhện đỏ/chè, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Borneo 11SC	Nhện đỏ/cam, hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Etoman 20SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển KT và chuyển giao công nghệ
		Eto Speed 200SC	Nhện đỏ/cam, hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		RedArmy 110SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Cửu Long
		Sachnhen-Eto 110SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Ω-Etoxa 110SC	Nhện đỏ/cam, chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
488	Etoxazole 10% + Fenpropathrin 10%	DN Zin 20SE	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
489	Etoxazole 100g/l + Spirodiclofen 300g/l	Nitmax 400SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
490	Etoxazole 150g/l + Spirotetramat 300g/l	Etomat 450SC	Rệp sáp/cam	Công ty TNHH Sunwa
491	Etoxazole 5% + Pyridaben 20%	Spinner 25SC	Nhện đỏ/hồ tiêu, sắn	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
492	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Nam Bắc
493	Fenbutatin oxide (min 95%)	Aki-Verati 500WP	Nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Nilmite 550SC	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
494	Fenbutatin oxide 8% + Propargite 30%	Pro-F 38EC	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
495	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	Sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	Sâu đục thân/lúa, rệp/cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Sumithion 50EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/lúa **50EC:** sâu đục thân, châu chấu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
496	Fenitrothion 45% + Fenobucarb 30%	Difetigi 75EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
497	Fenitrothion 250g/l (25%) + Fenvalerate 50g/l (5%)	Hosithion 30EC	Bọ xít hôi/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóc Môn
		Sumicombi 30EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
498	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol-S 50EC	Nhện, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
499	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	Rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	Rầy nâu/lúa, rệp/thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50EC	Rầy/lúa, rệp sáp/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	Rầy nâu, sâu keo/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dibacide 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Forcin 50EC	Rầy nâu/lúa, bọ trĩ/bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Nibas 50EC	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa, rệp vảy/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Triray 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	Rầy, rầy nâu/lúa; rệp/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
500	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
501	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt
502	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
503	Fenobucarb (5g/kg) 150g/l + Isoprocarb (195g/kg) 150g/l	Anbas 200WP, 300EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
504	Fenobucarb 350g/l + Isoprocarb 150g/l	Kimbas 500EC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
505	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	Sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
506	Fenobucarb 30% (300g/l) + Phenthoate 45% (450g/l)	Diony 75EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Hopsan 75EC	Bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
507	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	Rầy nâu/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Vật tư NN\ Tiền Giang
508	Fenobucarb 305g/l + Phenthoate 450g/l	Abasa 755EC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
509	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 100EC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	Rệp/bông vải, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	Nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vimite 10EC	Nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
510	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	Nhện đỏ/hoa hồng; nhện gié/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
511	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
512	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
513	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	**150EW:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
514	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
515	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5SC	Nhện đỏ/hoa hồng, bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		May 050SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
516	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
517	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	Nhện gié/lúa; bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
518	Fenvalerate (min 93%)	Dibatox 20EC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fenkill 20EC	Sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	Bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	Rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	Sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	Rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	Bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	Sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
519	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	Bọ trĩ/hoa cúc, bọ phấn trắng/sắn, sâu xanh da láng/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	Rầy nâu/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
520	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace focamid 50WG	Bọ trĩ/hoa cúc, bọ phấn/thuốc lá	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Exami 20WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fairway 500WG	Rệp muội/ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Teppeki 50WG	Rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
521	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
522	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
523	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
524	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
525	Flubendiamide (min 95%)	Flagrole 20WG	Sâu đục quả/cà chua	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Saikumi 39.35SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/khoai lang, sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
526	Flubendiamide 100g/l + Metaflumizole 150g/l	Beluka 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Nghiệp HP
527	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
528	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	Sâu xanh da láng/lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
529	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á châu
530	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
531	Flupyradifurone (min 96%)	Sivanto Prime 200SL	Rệp sáp/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
532	Fosthiazate (min 93%)	BN-Fosthi 10GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Foster 15GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Makeno 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Nemathorin 10GR	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nemazate 15GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Quota 10GR	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH ADC
		Sagofort 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sakuto 10GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Sun Choong En 5GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
533	Fufenozide (min 98%)	Fufe-super 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
534	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	Sâu đục thân/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
535	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	Bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; ruồi hại lá/cải bó xôi; rệp muội/hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/cà chua; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
536	Hexaflumuron (min 95%)	Fluron 100SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Humeron 50EC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH US Agro
		Staras 50EC	Sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
537	Hexythiazox (min 94%)	Akiazox 50EW	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoshi 55.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Nissorun 5EC	Nhện đỏ/chè, hoa hồng, cam, đu đủ, xoài, hoa huệ; nhện gié/lúa; nhện lông nhung/nhãn, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Thizomite 200EC	Bọ phấn trắng/sắn, nhện đỏ/cam	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Tomuki 50EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
538	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	Nhện đỏ/hoa hồng, rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
539	Hexythiazox 3% + Propargite 30%	Aki-siêu nhện 33EW	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
540	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
541	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actador 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê; rầy nâu, bọ trĩ/lúa **750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	**100SL, 100WP, 200SC, 700WG:** rầy nâu/lúa **100WP:** Châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Armada 50EC, 100SL, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100SL:** rệp sáp/cà phê **700WG:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Asimo 10WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/lúa, rầy nâu/lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
		Confidor 200SL, 200 OD, 700WG	**200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều, rệp sáp/hồ tiêu **200OD:** rầy nâu/lúa; bọ trĩ/lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; rầy xanh, rệp muội/bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Conphai 10ME, 10WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 700WG:** rầy nâu/lúa **100SL:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Hamida 10WP	Rệp muội/đậu xanh	Công ty CP TM Hải Ánh
		Helmer Admida 350SC	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH B.Helmer
		Imida 10WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/lúa **20SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Inmanda 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiami 10SL	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8SL	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Just 050EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Keyword 10SL	Bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Kimidac 050EC	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Kola 600FS, 700WG	**600FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa **700WG:** bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Map-Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa; sâu xám/ngô; rầy xanh/bông vải	MapPAcific PTE Ltd
		Mega-mi 178SL	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rầy thánh giá/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM Anh Thơ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Mikhada 10WP, 45ME, 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Miretox 10EC, 250WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Midan 10WP	Rầy xanh/bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/lúa; rệp vẩy/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP Nicotex
		Nomida 10WP, 50EC, 700WG	**10WP, 50EC:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		OFI 200SL	Rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Phenodan 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Pysone 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Punto xtra 70WG	Rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
		Saimida 100SL	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Sectox 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/lúa **200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Stun 20SL	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lưới/hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	Rầy nâu/lúa	Sundat (S) PTe Ltd

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		T-email 10WP, 70WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **70WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; dòi đục lá/đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rệp sáp, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	**100SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50EC, 700WP	**50EC:** Rầy nâu/lúa **700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **100EC, 700WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **100SL:** Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
542	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
543	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
544	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
545	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
546	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
547	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Centertrixx 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
548	Imidacloprid 205g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Startcheck 755WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
549	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
550	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
551	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
552	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Romano 250EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Vitasupe 250EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
553	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	Bọ phấn/lạc, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
554	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	Rệp bông xơ/mía, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
555	Imidacloprid 150g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 200g/kg (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
556	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
557	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
558	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
559	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
560	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
561	Imidaclorpid 10g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg	Actadan 350WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
562	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 85%	Zobin 90WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
563	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	Sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
564	Imidacloprid 4g/kg (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (930g/kg)	Vk.Dan 40GR, 950WP	**40GR:** Sâu đục thân/lúa **950WP:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
565	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70%	Rep play 75WP	Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
566	Indoxacarb (min 90%)	Actatin 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu, sâu khoang/lạc	Rotam AsiaPAcific Limited
		Amateusamy 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Avio 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/lúa **150EC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvatơ 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Atone 14.5SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Betakill 150SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Kỹ nghệ HGA

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Blog 8SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Indocar 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Indogold 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/đậu tương **300WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Inrole 30WG	Sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Master Indo 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Master AG
		Newamate 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Samxacarb 145SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP SAM
		Sparring 30WG	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Supermate 150SC	Sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông
		Sunset 100EC, 100ME, 100WP, 150SC, 300WG	**100EC, 100ME, 100WP, 150SC:** Sâu keo mùa thu/ngô **300WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Thamaten 150SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Zazz 150SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nam Bắc
		Wavesuper 15SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
567	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
568	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Casino 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
569	Indoxacarb 345g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
570	Indoxacarb 100g/l + Methoxyfenozide 150g/l	Carno 250SC	Sâu keo mùa thu/ngô, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
571	Indoxacarb 15% + Methoxyfenozide 20%	Superplus 35SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
572	Indoxacarb 240g/l + Novaluron 80g/l	Plemax 320SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
573	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
574	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
575	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
576	Isocycloseram (min 96%)	Incipio® 200SC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
577	Isoprocarb (min 95%)	Mipcide 50WP	Rầy xanh/bông vải, rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	Rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
578	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
579	Isoprocarb 400g/kg + Thiacloprid 50g/kg	Zorket 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
580	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
581	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
582	Karanjin	Takare 2EC	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		TT-umax 2EC	Sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Delta Cropcare

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
583	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/lạc; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	Bọ xít, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Katera 50EC	Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K-T annong 25EC, 25EW	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K-Tee Super 50EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5EC	Rệp/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	Sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu róm/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
584	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Methylamine avermectin 38g/l	Manytoc 88EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH CEC Việt Nam
585	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + PAichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
586	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350EC	Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
587	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 375g/l	Gammalin super 425EC	Rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
588	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
589	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
590	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	Rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
591	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
592	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
593	Lambda-cyhalothrin 2g/l (50g/l) + Phoxim 283g/l (19.99g/l) + Profenofos 120g/l (30g/l)	Boxing 405EC, 99.99EW	**405EC:** Rầy nâu, sâu đục thân/lúa **99.99EW:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
594	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC	**66.66EW:** Sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
595	Lufenuron (min 96%)	Cedar 100EC	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Lino pesti 80EC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Lockin 100EC	Sâu keo mùa thu/ngô, sâu khoang/cải bắp	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Lockone 115EC	Sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Lufenmax 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Lufenron 050EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương, sâu vẽ bùa/cam; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Martadu 100SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Match® 050EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/cà chua; sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Sukibe 50EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Tplufenron 100EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		VT-Fenuron 10SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Ω-Luron 50SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
596	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200g/l	Truemax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
597	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	Nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	Nhện đỏ/xoài, cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ phấn/đậu côve; rệp muội/quýt	MapPAcific Pte Ltd
598	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	Sâu khoang/lạc, đậu côve; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1EC, 1WP	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6SL	Sâu tơ/bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài	
		Faini 0.288EC, 0.3SL	**0.288EC:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa cúc, cam; ruồi hại lá/đậu tương; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; nhện đỏ/nho; sâu đục quả, dòi đục lá/đậu đũa; ruồi hại lá/cây bó xôi; sâu khoang/lạc; sâu xanh/thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê; rầy xanh/xoài; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/vải; bọ xít/điều; sâu đục quả/chôm chôm; sâu tơ/bắp cải; thối quả/xoài; mốc xám/nho; sương mai/dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sokonec 0.36SL	Sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
599	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6SL	Sâu ăn hoa/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH An Nông
600	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
601	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		DN Methaomizol 260SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Lumizon 240SC	Sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Verismo 240SC	Sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
602	Metaflumizone 10% + Methoxyfenozide 10%	Margo 20SC	Sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
603	Metaflumizone 150g/l + Methoxyfenozide 150g/l	Metadi 300SC	Sâu xanh da láng/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
604	Metaflumizone 200g/l + Methoxyfenozide 200g/l	MDMetometa 400SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
605	*Metarhizium anisopliae*	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	Rầy, bọ xít/lúa; bọ cánh cứng/dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
606	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Masterole 24SC	Sâu xanh da láng/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Newrice 230SC	Sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Prodigy® 240SC	Sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu xanh da láng/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Gap Agro
		Swin 240SC	Sâu khoang/cải bắp	Công ty CP Thuốc BVTV Tiên Tiến
		Zylo 240SC	Sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH UPL Việt Nam
607	Methoxyfenozide 150g/l + Pyridalyl 90g/l	Mepyda 240SC	Sâu keo mùa thu/ngô, sâu xanh da láng/cải bắp, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
608	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy® 360SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
609	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	Rầy xanh/chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
610	Methyl butyrate	Map rigo 3.2SL	Sâu xanh da láng/hành, nhện đỏ/cam	MapPAcific Pte. Ltd
611	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
612	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	Bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
613	Natural rubber	Map Laba 10EC	Rệp sáp/ổi, nhện đỏ/cam	MapPAcific Pte. Ltd
614	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Charge 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Dyman 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	**10EC:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp/đậu tương **500SL:** Rầy nâu/lúa **600WP:** Rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Luckyram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** Bọ trĩ/điều, rầy nâu/lúa **500WP:** Bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Soso 500WG	Rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Super King 500SL, 600WP	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Ω-ram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
615	Nitenpyram 150g/kg (15%) + Pymetrozine 200g/kg (20%)	Asa Ray 350OD	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Nitop 35OD	Rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương, Bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Global Farm
616	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	Maxram 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Nitendo 80WG	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
		Osago 80WG	Bọ phấn/sắn, rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/phật thủ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	Rệp muội/mía	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
		Samurai 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Vuachest 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
617	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
618	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing 700WP, 700WG	**700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **700WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
619	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
620	Nitenpyram 50% + Pymetrozine 25%	Nypydo 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
621	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
622	Nitenpyram 150g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Titan 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
623	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
624	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 50%	Pytenram 70WG	Bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Kona Crop Science
625	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen (min 97%) 220g/kg	Supercheck 720WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
626	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
627	Nitenpyram 500g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
628	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Uniron 100EC	Sâu khoang/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
629	Oxymatrine	Vimatrine 0.6SL	Bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/rau cải ngọt; ruồi hại lá/cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/cà chua; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
630	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	Sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Asitrin 50EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC	Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	Sâu xanh/lạc, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map-Permethrin 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/đậu tương, sâu xanh da láng/lạc, rệp sáp/cà phê	MapPAcific PTE Ltd
		Megarin 50EC	Sâu xanh/đậu tương, rầy thánh giá/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Anh Thơ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Patriot 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 50EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/đậu tương; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Lion Agrevo
		PER annong 100EW, 500EC	**100EW:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa **500EC:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục hoa/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 50EC	Sâu xanh/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50EC	Sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu ăn tạp/bông vải; rệp sáp/cà phê; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Pounce 50EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Terin 50EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50EC	Sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; dòi đục lá/đậu tương; sâu đục ngọn/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân/mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
631	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
632	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
633	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	Rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/quýt	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/chè; rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	Bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99EC	Nhện đỏ/chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
634	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/thuốc lá; rệp/bông vải; sâu đục thân/mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50EC	Sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50EC	Sâu đục thân/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50EC	Sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
635	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu keo/ngô, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
636	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	Rệp muội/thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
637	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Piripro 550EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
638	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết *(Gleditschia australis)*, Hy thiêm *(Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt *(Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại *(Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	Rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/thuốc lá, sâu đục cuống quả/vải, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
639	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	Bọ trĩ/lúa; rệp, sâu khoang/bông vải; rệp/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	Sâu khoang/đậu xanh, sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Naviphos 500EC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Nongiaphat 500EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Ronado 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500EC	Sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
640	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	Nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	Nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
641	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
642	Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
643	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	Nhện đỏ/hoa hồng, cam; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bigmite 73EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		BN-Mite 570EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Comite® 73EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/lúa **570EW:** Nhện gié/lúa; nhện đỏ/chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daisy 57EC	Nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	Nhện đỏ/chè; nhện gié, bọ phấn/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
644	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
645	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
646	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	Rệp sáp/cà phê, sâu keo mùa thu/ngô	Sinon Corporation
647	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG	Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		F35 25WP	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Longanchess 70WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	Rầy nâu/lúa	MapPAcific PTE Ltd
		Matoko 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		NBChestop 50WG	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc
		Newchestusa 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** Rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Pylon 50WG	Rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sagometro 50WG	Rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG	Rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
648	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sunwa
649	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
650	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
651	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
652	Pyrethrins	Bopy 14EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	rệp/bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0CS	Rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex
653	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	Rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; bọ phấn/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
654	Pyridaben (min 95%)	Alfamite 150EC, 200WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bipimai 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp/bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	Sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tifany 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
655	Pyridaben 200g/l + Quinalphos 300g/l	Pyphos-HB 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
656	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
657	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu keo mùa thu/ngô, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Ω-Dalyn 100SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
658	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	Rệp bông xơ/mía	Công ty CP BVTV I TW
659	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	Rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/cam	Sundat (S) PTe Ltd
660	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	Nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa; sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
661	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** Rầy nâu/lúa **600WP:** Rệp sáp/cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
662	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ngô, lúa **25EC:** rệp muội/thuốc lá, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê, sâu xanh/bông vải, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	Sâu khoang/lạc; sâu ăn tạp/đậu tương; rệp/cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Methink 25EC	Sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	Sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25EC	Sâu phao/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; vòi voi đục nõn/điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 25EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
663	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
664	Rotenone	Bin 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh, rệp muội/hồ tiêu	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
		Dibaroten 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5WP	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/đậu tương	Forward International Ltd

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Limater 7.5EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ớt; rệp sáp/bí xanh; nhện đỏ/bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/cam; bọ xít/nhãn; rệp/xoài; sâu đục quả/vải; rệp sáp/na; sâu ăn lá/cây hồng; sâu róm/ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 75WP, 75SL	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50EC, 50WP	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/cà chua; dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông
		Trusach 2.5EC	Sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vironone 2EC	Sâu tơ/cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
665	Rotenone 5% (5g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	**15BR:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía, ốc bươu vàng/lúa **15EC:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía **15SL:** ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
666	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/cải xanh **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
667	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	Tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
668	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte. Ltd.
669	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP - Thần Điền 78SL	Rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/cà phê, xoài; rệp muội/nhãn, vải; rệp/đậu tương; bọ trĩ/dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Thành Phương
670	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nicotex
671	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	Sâu xanh da láng/hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ớt; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	Sâu cuốn lá đầu đen/lạc, bọ xít lưới/hồ tiêu, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Thor 60SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/cà chua	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
672	Spinetoram 120g/kg + Triflumezopyrim 100g/kg	Hibifen® 220WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
673	Spinosad (min 85%)	Akasa 25SC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng/hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/đậu tương; dòi đục quả/ổi; sâu đục quả/xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	Sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spincer 480SC	Sâu tơ/cải bắp, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Spinki 25SC	Bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/cà chua; sâu xanh, rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/xoài; rệp sáp/thanh long, sầu riêng; bọ trĩ/ớt	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 25SC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; ruồi đục quả/ổi, xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Sucsad 25SC	Sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Nam Bắc
		Suhamcon 25SC, 25WP	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/hành; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả, rệp muội/đậu đũa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Wish 25SC	Sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/hành	Công ty CP Đồng Xanh
674	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	Nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Goldmite 240SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		MDSpifendor 340SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Omega-Spidermite 24SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC, 240SC	**150EC:** Nhện đỏ/hoa hồng, cam **240SC:** Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Setis 34SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Spiro 240SC	Nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Tvramite 34SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Yonlock 240SC	nhện đỏ/cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
675	Spiromesifen (min 97%)	Oberon 240SC	Nhện đỏ/cam, ớt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
676	Spirotetramat (min 96%)	Armata 22.4SC	Rệp sáp/cà phê	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd.
		Aspiro 150OD	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Dotramat 150OD	Bọ trĩ/xoài	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Faster 150OD	Bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Mario 22.4SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Movento 150OD	Rệp muội/bắp cải, vải, dưa hấu; bọ trĩ/chè; rệp sáp/thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, bọ phấn/khoai tây; sâu đục cuống quả/nhãn	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Ramat 120SC	Rệp sáp/cam	Công ty CP Global Farm
		Sentinet 22.4SC	Rệp sáp/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Seroto 224SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Speramet 150OD	Rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
677	Spirotetramat 150g/l + Thiamethoxam 150g/l	Tiramat 300SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
678	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	Rầy nâu/lúa, rệp/bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải; bọ phấn trắng/lúa; rệp muội/ngô; bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
679	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	Nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Sulfex 80WG	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Sumitomo Chemical India Limited
		Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
680	Tebufenozide (min 98%)	Adu-feno 200SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Mimic® 20SC	Sâu xanh da láng/thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tezimax 200SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH US Agro
		VT-Nozide 200SC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Xerox 20SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
681	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	Rầy nâu, nhện gié/lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
682	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	Sâu tơ/bắp cải; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu keo mùa thu/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
683	Tolfenpyrad (min 95%)	Aoba 15EC	Bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
684	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240SC	Bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48SC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Koto 240SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Zukop 480SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
685	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/mía; bọ trĩ/điều; rệp/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **350SC:** bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 500SC, 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
		Falcon 25WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Hercule 25WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	Rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, sâu đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **350SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **355SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	Rầy nâu/lúa; rệp muội, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	Rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
686	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	Bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu khoang/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Pontiac 800WG	Rệp sáp/cà phê	Rotam AsiaPAcific Limited
		Supepugin 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
687	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	**106SC:** rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/lúa **20WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
688	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (Monosultap) (min 95%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/lúa; sâu đục thân, rệp/ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân, rệp/mía; rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/lúa; sâu xanh/đậu tương; rầy/bông vải; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/lúa **90WP:** sâu cuốn lá/lúa, rệp/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95WP, 150SL	**95WP:** sâu phao/lúa **150SL:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp bông xơ mía; rầy/bông vải; rệp/ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ngô; rầy/bông vải; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90WP	Sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18SL, 95WP	**18SL:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Shaling Shuang 180SL, 950WP	**180SL:** sâu đục thân/lúa **950WP:** sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 95WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18SL, 50SP, 95WP	**18SL, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Taginon 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/mía, lúa **18SL:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu xanh/đậu xanh, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvpyrafos 750WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/lúa **29SL:** bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/lúa **95SP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
689	*Verticillium chlamydosporium* ZK7	Nematodie GR	Tuyến trùng/cà chua, hồ tiêu	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ớt, đốm lá/cà tím; héo xanh/mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4% + Carvacrol 1%	Som 5SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá/lúa; giả sương mai, mốc xám/dưa chuột, rau, cà; thán thư/ớt	Công ty TNHH Nam Bắc
3	Acrylic acid 40g/l + Carvacrol 10g/l	Stargolg 5SL	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá vi khuẩn/lúa; vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, ớt; giả sương mai/dưa chuột; sưng rễ/bắp cải; xì mủ/sầu riêng, cam	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Anacardic acid	Amtech 100EW	Thối nhũn/cải thảo, cải bắp; đốm vòng/cà tím, giả sương mai/dưa chuột; thán thư/thanh long, vải, xoài; loét/cam; sương mai/cà chua, hành; thối búp/chè; mốc xám/dâu tây; héo xanh/ớt; mốc sương/nho	Công ty CP Nông nghiệp HP
9	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250SC	Đốm vòng/cà chua; mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây; thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/dưa hấu; sương mai/cà chua; thán thư/ớt; đốm nâu/thanh long; thán thư/cam, xoài, vải; đốm lá Sigatoka/chuối	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Astro 250SC	Thán thư/ớt	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Azo-elong 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Azony 25SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; sẹo/cam, thán thư/xoài	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	Lem lép hạt/lúa, đốm nâu/thanh long, thán thư/xoài, sương mai/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Hiache 23SC	Thán thư/xoài, nho	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Majestic 250SC	Thán thư hoa/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Mission 250SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Overamis 300SC	Thán thư/xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sam Robin 250SC	Thán thư/xoài	Công ty CP SAM
		Sinstar 250SC	Đạo ôn/lúa	Sinon Corporation
		Sixoastrobin 25SC	Đốm lá/lạc	Công ty TNHH Sixon
		Solani 250SC	Thán thư/ớt, xoài	Công ty TNHH Gap Agro
		Star.dx 250SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/xoài; ghẻ nhám/cam	Công ty TNHH Phú Nông
		XinAzo 250SC	Thán thư/xoài	Anhui Guangxin Agrochemical Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
10	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	Rỉ sắt/cà phê; thán thư/ớt, giả suong mai/dưa chuột; sương mai/cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Nowa 560SC	Đốm vòng/cà chua	Công ty TNHH Danken Việt Nam
11	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 600g/l	Avial 660SC	Thán thư/xoài	Agria S.A
12	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	Lem lép hạt/lúa; đốm nâu/thanh long; sẹo/cam; thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Kata-top 600SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Ortiva® 600SC	Thán thư/xoài; thán thư, đốm vòng/ớt; giả sương mai/dưa chuột; nấm hồng/cà phê; thán thư, sương mai/dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/cà chua; đốm lá/cà chua; vàng rụng lá, nứt vỏ khô mủ/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
13	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
14	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
15	Azoxystrobin 200g/l + Cyazofamid 100g/l	Runmun 300SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
16	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
17	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Adiconstar 325SC	Thán thư/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Afenzole 325SC	Thán thư/cà phê	Shandong Sino - Agri United Biotechnology Co., Ltd.
		Amistar Top® 325SC	Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/hoa hồng, phấn trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, gỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê, hồ tiêu; khô vằn/ngô, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su; vàng rụng lá/cao su, phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
		Artivar Helmer 325SC	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Asmaitop 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azofenco 325SC	Lem lép hạt/lúa	Kital Ltd.
		Keviar 325SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Mastertop 325SC	Lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; phấn trắng/hoa hồng	Rotam AsiaPAcific Limited
		Ohho 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Phaybuc 325SC	Chết ẻo cây con/lạc	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Star.top 325SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Supreme 325SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Topmystar 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư/cà phê; vàng lá/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/lạc; đốm lá/đậu tương; rỉ sắt, thán thư/cà phê; thối gốc/lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông
		X-Glider 350SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
18	Azoxystrobin 255g/l + Difenoconazole 160g/l	Citeengold 415SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
19	Azoxystrobin (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole (250g/l), (250g/kg)	Amity top 500SC, 500SG	**500SC:** Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê **500SG:** Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
20	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenoconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	**325SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa **650WP:** lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
21	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenoconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	**210WP, 250WG:** Lem lép hạt/lúa **325SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
22	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara-super 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, phấn trắng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Maxtatopgol 350SC	Phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
23	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt /lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Azosaic 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Bi-a 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dovatop 400SC	Thán thư/điều, khoai môn; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help 400SC, 400OD	**400SC:** lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/lúa; thán thư/hồ tiêu, hoa hồng, cà phê **400OD:** Thán thư/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH ADC

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Paramax 400SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ngô; đốm lá/ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/cao su; thán thư/cà phê; nứt thân xì mủ/cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
24	Azoxystrobin 25% + Difenoconazole 15%	Uni-rich 40SC	Rỉ sắt/lạc, cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
25	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 220g/l	Majetictop 420SC	Rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
26	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
27	Azoxystrobin 325g/l + Difenoconazole 125g/l	Neoamistagold 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
28	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	A zol 450SC	Đạo ôn/lúa, sương mai/khoai tây, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
29	Azoxystrobin 300g/l + Difenoconazole 150g/l	Jiadeporo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
30	Azoxystrobin 270g/l + Difenoconazole 180g/l	Tilgent 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
31	Azoxystrobin 60g/kg + Difenoconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
32	Azoxystrobin 210g/l + Difenoconazole 130g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
33	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
34	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
35	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Osaka-Top 500SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
36	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
37	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mix Perfect 525SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
38	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
39	Azoxystrobin 20.1g/l (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (150g/kg) + Sulfur 294.3g/l (560g/kg)	Titanicone 327SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
40	Azoxystrobin 5% + Dimethomorph 20%	Yezak 25SC	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển KT và chuyển giao công nghệ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
41	Azoxystrobin 200g/kg (20%) + Dimethomorph 100g/kg (10%)	Azomor 300WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Diabin 30WG	Sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
42	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 40%	Avatop 60WG	Sương mai/dưa hấu	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
43	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	Thán thư/cà chua; giả sương mai/dưa gang; mốc sương/nho; đốm vòng/bắp cải; thán thư, sương mai/dưa hấu; thối thân, đốm nâu/thanh long; sương mai/cà chua; nứt thân chảy nhựa/dưa hấu	MapPAcific Pte Ltd
44	Azoxystrobin 250g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	**450SC:** lem lép hạt/lúa **750WG:** đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
45	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	**325WP:** đạo ôn/lúa; đốm vòng/hành, sẹo/cam **400SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/hành; ghẻ nhám/cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
46	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
47	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
48	Azoxystrobin 30g/l (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/kg)	Surijapane 260SC, 450WP	**260SC:** Đạo ôn/lúa **450WP:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
49	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
50	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
51	Azoxystrobin 200g/l + Fluazinam 300g/l	Balstop 500SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
52	Azoxystrobin 15% + Fludioxonil 15%	Chamnuri 30SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
53	Azoxystrobin 150g/l (200g/l) + Flusilazole 150g/l (150g/l)	Willsuper 300EC, 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
54	Azoxystrobin 12% + Flusilazole 8%	Fifatop 20SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
55	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Hextop 150SC	Lem lép hạt, khô vằn /lúa; vàng rụng lá/cao su; thán thư/xoài	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ori 150SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
56	Azoxystrobin 8% + Hexaconazole 16%	Acaben Gold 24SC	Đốm lá/hoa cúc	Công ty CP BVTV ATC
57	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
58	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
59	Azoxystrobin 10g/l (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (565g/kg)	Anforli 70SC, 765WG	**70SC:** Khô vằn/lúa **765WG:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
60	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
61	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	Sẹo/cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam
62	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
63	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
64	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
65	Azoxystrobin 200g/l + Isopyrazam 125g/l	Reflect® Xtra 325SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
66	Azoxystrobin 200g/l + Kasugamycin 50g/l	Trobinsuper 250SC	Chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
67	Azoxystrobin 50g/kg + Mancozeb 700g/kg	Fineluck 750WG	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
68	Azoxystrobin 7% + Mancozeb 40%	Helan 47OS	Thán thư/xoài	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
69	Azoxystrobin 56g/l + Prochloraz 200g/l + Tebuconazole 100g/l	Almagor 356EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
70	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 12%	Omega-Vil 32SC	Chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
71	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
72	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt 200SE	Đốm lá lớn/ngô; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
73	Azoxystrobin 7% + Propiconazole 11.7%	Propazomix 18.7SC	Rỉ sắt/cà phê	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
74	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
75	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
76	Azoxystrobin 80g/l + Tebuconazole 160g/l	Buxyzole 240SC	Thán thư/cà phê	Rotam AsiaPAcific Co. Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
77	Azoxystrobin 20% + Tebuconazole 30%	Omega-mytop 50SC	Đốm lá đậu tương, rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
78	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
79	Azoxystrobin 200g/l (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg)	Lotususa 400SC, 800WG	**400SC:** lem lép hạt/lúa **800WG:** Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
80	Azoxystrobin 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Tebaz 400SC	Rỉ sắt/cà phê	Shanghai E-tong Chemical Co., Ltd.
81	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	Đạo ôn; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
82	Azoxystrobin 300g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 800WG	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
83	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg)	Natigold 320SC, 450WG	**320SC:** lem lép hạt, đạo ôn /lúa **450WG:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
84	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, phấn trắng/hoa hồng	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
85	Azoxystrobin 11% + Tebuconazole 18.3%	Tebazo 29.3SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
86	Azoxystrobin 100g/l + Tetraconazole 80g/l	Eminent excell 180SC	Rỉ sắt/hoa cúc	Isagro S.p.A
87	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 760WG	**80WP, 760WG:** Đạo ôn/lúa **325SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
88	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225g/l	Staragro 325SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
89	Azoxystrobin 30g/l (50g/kg) + Tricyclazole 370g/l (750g/kg)	Azobem 400SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và TM Trần Vũ
90	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
91	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
92	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
93	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
94	Azoxystrobin 200g/l + Tricyclazole 300g/l	Altista top 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
95	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 5%	Tvazomide 25WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
96	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 10%	Azotide 30SC	Khô vằn/ngô	Shaanxi Bencai Agricultural Development Co., Ltd.
97	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
98	*Bacillus subtilis*	Ace Bacis 111WP	Đạo ôn/lúa, mốc xám/cà chua, phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Balus 111WP	Đạo ôn/lúa, phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Biobac WP	Héo xanh/cà chua; phấn trắng/dâu tây; thối rễ/súp lơ, sưng rễ/bắp cải; vàng lá thối rễ/cam; héo xanh vi khuẩn/ớt, hoa cúc	Bion Tech Inc.,
		BioniteWP	Đốm phấn vàng, phấn trắng/dưa chuột, bí xanh; sương mai/nho; mốc sương/cà chua; biến màu quả/vải; héo vàng, chết cây con/lạc; đen thân/thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/lúa; bệnh còng, chết cây con/hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
		Mostika 10^9 cfu/mlSL	Chết nhanh/hồ tiêu; thối nhũn/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Moti-V 100WP	Mốc xám/cà chua	Công ty TNHH TM Hải Thụy
		Rebaci 100WP	Vàng lá thối rễ/cam, quýt	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Subtial 100WP	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
99	*Bacillus amyloliquefaciens (Bacillus subtilis)* QST 713	SerenadeSC	Thối đen/bắp cải; loét/cam; đạo ôn/lúa; sương mai/hành; đốm vòng/cà chua; phấn trắng/dưa chuột; đốm lá/chuối; loét vi khuẩn/bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
	Bacillus amyloliquefaciens AT-332	MiyabiWG	Phấn trắng/ớt chuông, dưa lưới	Công ty TNHH Việt Thắng
	Bacillus amyloliquefaciens CL3	SinsmartSC	Mốc xám/dâu tây	Sinon Corporation
100	Bemystrobin (min 98%)	Bemy 100SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
101	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	Giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
102	Benthiavalicarb-isopropyl (min 91%)	Hida 15WG	Mốc sương/dưa chuột, sương mai/khoai tây, giả sương mai/dưa hấu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
103	Benthiavalicarb 1.75% + Mancozeb 70.0%	Valbon 71.75WG	Sương mai/cà chua, chết nhanh/hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
104	Berberine	Antiba 4SL	Đốm góc cạnh vi khuẩn/cà chua, dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
105	Bismerthiazol (Sai ku zuo) (min 90%)	Agpicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	Bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20WP	Bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Benita 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Diebiala 20SC	Bạc lá/lúa, xì mủ/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Kadatil 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 25WP	Bạc lá/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sansai 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT Basu 250WP	Bạc lá/lúa; thối nhũn/bắp cải; héo rũ/khoai lang; đốm lá vi khuẩn/hành	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Xanthomix 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	Bạc lá/lúa, phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
106	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-Tafin 75WP	Bạc lá/lúa; sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Tân Thành
107	Bismerthiazol 350g/kg + Fenoxanil 450g/kg	Broken 800WP	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
108	Bismerthiazol 250g/kg + Fenoxanil 400g/kg + Sulfur 100g/kg	Bikin 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
109	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamicin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	Bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu; đốm đen xì mủ/xoài	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Riazor 215WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
110	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	Khô vằn, bạc lá/lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
111	Bismerthiazol 190g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
112	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
113	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
114	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Longantivo 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
115	Bismerthiazol 200g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
116	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam 100g/kg	Kasagen 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	Bạc lá/lúa; đốm sọc vi khuẩn/lúa, ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
117	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
118	Bismerthiazol 400g/kg + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 775WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
119	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bimplus 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tigondiamond 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
120	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
121	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP	Sương mai/cà chua, rỉ sắt/cà phê, sẹo/cam, tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		IC-Top 28.1SC	Loét vi khuẩn/cam; sương mai/nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát
122	Boscalid (min 96%)	Ac-Bosca 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bonito 50WG	Mốc xám/nho	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Bosstar 25SC	Phấn trắng/nho	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd
		Entry 500WG	Thối quả/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Gap-boss 300SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Gap Agro
		Kimono.apc 50WG	Sương mai/đậu tương	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		MDBosdan 500WG	Thán thư/hồ tiêu; mốc xám/ớt	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Wasaki 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TCT Hà Nội
123	Boscalid 240g/l + Fludioxonil 60g/l	Bolini 300SC	Giả sương mai/dưa chuột; thán thư/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
124	Boscalid 20% + Kresoxim-methyl 10%	Phonrx 30SC	Phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
125	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 10%	Mustang 35SC	Thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
126	Boscalid 25.2% (252g/l) + Pyraclostrobin 12.8% (128g/l)	Bibos 380SC	Sẹo/cam, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Boss-B 380SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bostrobin 380SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Lessick 38WG	Thán thư/ớt	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Migu 38WG	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bộ
127	Boscalid 20% + Pyraclostrobin 10%	Roteva 30SC	Sương mai/cà chua	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd.
128	Boscalid 420g/l + Trifloxystrobin 140g/l	Tribo 560SC	Thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
129	Bromothalonil (min 95%) 370g/kg + Myclobutanil 130g/kg	Ang-Sachbenh 500WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
130	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	Bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	Bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa; chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	Bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
131	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sapol 700WP	Bạc lá, thối bẹ/lúa; héo xanh vi khuẩn/lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sieukhuan 700WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
132	Bupirimate (min 98%)	Ω-Buri 25ME	Đạo ôn/lúa, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
133	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	Phấn trắng/nho, sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH ADC
134	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
135	Carvacrol 0.1% + Eugenol 2%	Senly 2.1SL	Bạc lá, khô vằn/lúa; phấn trắng/bí xanh; giả sương mai/dưa chuột; sương mai/cà chua; thán thư/ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
136	*Chaetomium cupreum*	Ketomium 1.5 x 10^6 Cfu/g bột	Thối rễ, thối thân/cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/lúa; héo rũ/cà chua; đốm lá, phấn trắng/cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
137	*Chaetomium* sp. 1.5 x 10^6 cfu/ml + *Trichoderma* sp 1.2 x 10^4 cfu/ml	MocabiSL	Sưng rễ, héo vàng/bắp cải; héo vàng/cà chua; thối gốc, thối lá/hành tây; lem lép hạt/lúa; thối gốc/hồ tiêu; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Nông Sinh

(Xem tiếp Công báo số 917 + 918)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng